

Bản án số: 59/2022/DS-ST

Ngày: 14-9-2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tạ Thị Xuân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hà Ứng Cương

2. Bà Nguyễn Hải Anh

**Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Ông Lâm Sễn - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lý Ngọc K, sinh năm 1965 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* - Ông Vũ Xuân M, sinh năm 1975 (có đơn xin vắng mặt)

- Bà Trần Thị H, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp S, xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Nguyên đơn bà Lý Ngọc K trình bày tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án như sau:*

Vào năm 2019 bà Lý Ngọc K có bán gạo cho vợ chồng ông Vũ Xuân M và bà Trần Thị H để làm bún bán. Đến ngày 05-3-2020 hai bên ngồi tính sổ lại với nhau thì ông M, bà H xác nhận còn nợ bà K tổng cộng là 400.000.000 đồng tiền mua gạo và có ký biên nhận nợ cho bà K. Sau đó, đến ngày 20-4-2020 bà H có trả cho bà K được 30.000.000 đồng. Đến ngày 07-12-2021 bà H tiếp tục trả cho bà K được 100.000.000 đồng. Tổng cộng 02 lần bà H, ông M trả cho bà K được 130.000.000

đồng, còn nợ lại bà K 270.000.000 đồng. Bà K đã nhiều lần yêu cầu bà H, ông M trả số nợ còn lại cho bà nhưng ông M, bà H không chịu trả nợ. Nay bà K yêu cầu ông M, bà H trả cho bà số tiền mua gạo còn nợ là 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật kể từ ngày 07-12-2021 cho đến ngày xét xử.

- *Bị đơn ông Vũ Xuân M và bà Trần Thị H trình bày:* Vào năm 2019 vợ chồng ông bà có mua gạo của bà Lý Ngọc K để làm bún bán, quá trình mua bán đến ngày 05-3-2020 hai bên ngồi tính sổ lại với nhau thì ông bà xác nhận còn nợ bà K tổng cộng là 400.000.000 đồng tiền mua gạo và có ký biên nhận nợ cho bà K. Sau đó, đến ngày 20-4-2020 ông bà có trả cho bà K 30.000.000 đồng. Đến ngày 07-12-2021 ông bà tiếp tục trả cho bà K 100.000.000 đồng. Tổng cộng 02 lần ông M, bà H trả cho bà K được 130.000.000 đồng, còn nợ lại 270.000.000 đồng. Do làm ăn thua lỗ nên ông M, bà H không có tiền trả nợ cho bà K được. Nay ông M, bà H thống nhất vợ chồng ông bà còn nợ bà K số tiền mua gạo là 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng) nhưng xin trả dần hàng tháng 10.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ 270.000.000 đồng và xin bà K bỏ yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa ông M vắng mặt.

*\* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử: Đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lý Ngọc K đối với bị đơn ông Vũ Xuân M và bà Trần Thị H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 04-7-2022, bà Lý Ngọc K có đơn khởi kiện yêu cầu ông Vũ Xuân M và bà Trần Thị H trả cho bà số tiền mua gạo là 270.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật kể từ ngày 07-12-2021 cho đến ngày xét xử, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Vũ Xuân M có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông M.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lý Ngọc K yêu cầu ông Vũ Xuân M và bà Trần Thị H trả cho bà số tiền mua gạo là 270.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật kể từ ngày 07-12-2021 cho đến ngày xét xử, Tòa án nhận thấy: Vào năm 2019 bà Lý Ngọc K có bán gạo cho vợ chồng ông Vũ Xuân M và bà Trần Thị H để làm bún bán và ông M, bà H có nợ tiền gạo của bà K tổng cộng là 400.000.000 đồng. Sau đó, ông M, bà H trả cho bà K được 130.000.000 đồng, còn nợ lại bà K 270.000.000 đồng. Tại Tòa án ông M và bà H thừa nhận vợ chồng bà còn nợ tiền mua gạo của bà K tổng cộng là 270.000.000 đồng nhưng xin trả dần hàng tháng 10.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ 270.000.000 đồng và xin bà K bỏ yêu cầu tính lãi. Bà K không đồng ý cho ông M, bà H trả dần số tiền trên và vẫn yêu cầu tính lãi suất chậm trả. Do đó, việc bà K yêu cầu vợ chồng ông M, bà H trả số tiền mua gạo 270.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Xét yêu cầu của bà K về việc tính lãi suất chậm trả theo quy định pháp luật đối với số tiền 270.000.000 đồng kể từ ngày 07-12-2021 cho đến ngày xét xử: Theo quy định tại khoản 3 Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015, bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối chiếu quy định trên, xét thấy từ ngày 07-12-2021 đến nay ông M, bà H vẫn chưa thanh toán cho bà K số tiền 270.000.000 đồng nên ngoài việc phải trả khoản tiền còn nợ, ông M và bà H còn phải trả tiền lãi được tính trên số tiền nợ gốc tương ứng với thời gian chậm trả nhưng do các bên không thỏa thuận về lãi suất phát sinh do chậm trả tiền nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng lãi suất 10%/năm được quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là phù hợp. Cụ thể là  $10\%/năm = 0,833\%/tháng$ ; tiền lãi được tính như sau:

Số tiền nợ gốc 270.000.000 đồng tính lãi từ ngày 07-12-2021 đến ngày xét xử 14-9-2022 là 09 tháng 07 ngày, tiền lãi là:  $270.000.000 \text{ đồng} \times 0,833\% \times 09 \text{ tháng} 07 \text{ ngày} = 20.766.690 \text{ đồng}$ .

[3] Thống nhất ý kiến của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án như đã phân tích và nhận định trên.

[4] Căn cứ các điều 357, 430, 434, 440 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Ngọc K; buộc ông M và bà H phải trả

cho bà K số tiền nợ mua gạo là 270.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật là 20.766.690 đồng, tổng cộng là 290.766.690 đồng.

Đối với yêu cầu trả nợ có thời hạn của các đương sự không thuộc thẩm quyền của Tòa án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên buộc ông M và bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho bà K như sau: 290.766.690 đồng x 5% = 14.538.334 đồng.

Bà Lý Ngọc K không phải chịu án phí, hoàn trả tiền tạm ứng án phí 6.750.000 đồng cho bà K theo biên lai thu số 0009509 ngày 06-7-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các điều 26, 147, 227, 228, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 357, 430, 434, 440 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Ngọc K.
2. Buộc ông Vũ Xuân M và bà Trần Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lý Ngọc K số tiền nợ mua gạo là 270.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật là 20.766.690 đồng, tổng cộng là 290.766.690 đồng (Hai trăm chín mươi triệu, bảy trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm chín mươi đồng).

Kể từ ngày bà K có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông M và bà H không trả số tiền trên thì còn phải trả cho bà K khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Vũ Xuân M và bà Trần Thị H có nghĩa vụ nộp án phí là 14.538.334 đồng (Mười bốn triệu, năm trăm ba mươi tám nghìn, ba trăm ba mươi bốn đồng).

Bà Lý Ngọc K không phải chịu án phí, hoàn trả tiền tạm ứng án phí 6.750.000 đồng cho bà K theo biên lai thu số 0009509 ngày 06-7-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

**4. Quyền kháng cáo:** Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tạ Thị Xuân**



